

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Văn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thu và bà Vi Thị Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Bé Thị X, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Lương Tiến Y, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt – không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Bé Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Bé Thị X) và anh Lương Tiến Y được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 05/8/2016 nhưng đến ngày 26/6/2019 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Từ tháng 8/2016 anh chị cùng chung sống tại thôn X, xã T2, huyện T. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, trong thời gian 03 năm chung sống một mình chị chăm lo, nuôi con, anh Y không quan tâm chị và con, không về nhà ăn cơm, không về sống với vợ con, cũng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Chị

không thể chấp nhận được cách sống của anh Y như vậy nên cuộc sống rơi vào tình trạng bế tắc, cả hai sống như người dưng, chị cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ tháng 4/2019 chị và con đã đi thuê nhà ở riêng, kể từ đó đến nay chị và anh Y sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh Y cũng không đến thăm con và nhiều lần đe dọa cuộc sống của chị nếu không về nhà. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh Y, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Tiến Y càng sớm, càng tốt để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Chị và anh Lương Tiến Y có 01 con chung tên là Lương Thu N – sinh ngày 05/8/2016.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Thu N cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Lương Tiến Y không có tài sản chung, không nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lương Tiến Y có lời khai thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Y) xác nhận quá trình tìm hiểu, thời gian về chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn như chị Bé Thị X trình bày là đúng. Từ tháng 8/2016 anh và chị X cùng chung sống như vợ chồng tại thôn X, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc, tuy nhiên gần đây anh thường xuyên phải đi công tác xa nên tình cảm vợ chồng không được mặn nồng. Từ tháng 4/2019 chị X đã bế con đi thuê nhà ở riêng, anh đã nhiều lần tác động để chị X quay về đoàn tụ gia đình. Nhưng chị X không chịu về, nay chị X có yêu cầu xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị X, hơn nữa con còn nhỏ. Anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ gia đình, chăm sóc con cái.

Về con chung: Anh (Y) xác nhận như chị Bé Thị X trình bày là đúng.

Nếu anh và chị X ly hôn, do điều kiện công việc của anh thường xuyên đi làm xa nhà, không có điều kiện chăm sóc con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Bé Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Thu N cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Bé Thị X không có tài sản chung, không nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Bé Thị X khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Tòa án đã thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân

giữa chị Bé Thị X và anh Lương Tiến Y thể hiện: chị X và anh Y có đăng ký kết hôn với nhau tại chính quyền và có sinh sống tại địa phương. Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị và xác nhận chị X và anh Y sống ly thân với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Về con chung: Xác nhận đúng như chị X trình bày. Hiện nay chị X trực tiếp nuôi cháu Lương Thu Ngân. Chị X và anh Y đều có sức khỏe, công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, đảm bảo việc trực tiếp nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh Y theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên có quan điểm: Mâu thuẫn của chị X và anh Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chị Bé Thị X được ly hôn anh Lương Tiến Y; về việc nuôi con chung: Giao con chung Lương Thu Ngân - sinh ngày 05/8/2016 cho chị Bé Thị X được quyền trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Lương Tiến Y không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về án phí: chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Anh Lương Tiến Y – là: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Nguyên đơn chị Bé Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Y, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Như vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Tiến Y đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh Y không hợp tác, không chấp hành quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 09 tháng 10 năm 2019 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ và đã tổng đạt hợp lệ quyết định trên cho anh Lương Tiến Y nhưng tại phiên toà ngày 29 tháng 10 năm 2019 anh Y vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 06/2019/QĐST-HNGĐ và ấn định phiên toà được mở lại vào ngày 04/11/2019. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên toà cho anh Y. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lương Tiến Y tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đây là vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Chính quyền địa phương nơi chị Bé Thị X và anh Lương Tiến Y chung sống để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bé Thị X và anh Lương Tiến Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Lãng vào ngày 26/6/2019 đúng theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Chị X xác nhận: Chị và anh Lương Tiến Y chung sống như vợ chồng với nhau từ ngày 05/8/2016 nhưng đến ngày 26/6/2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian chung sống anh chị sống không hạnh phúc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y không quan tâm gì đến vợ con, không về nhà ăn cơm, không về sống với vợ con, cũng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Chị nhiều lần đề nghị anh Y tổ chức lễ cưới và đi đăng ký kết hôn tại chính quyền nhưng anh Y không đồng ý, vợ chồng không có tiếng nói chung và không quan tâm gì tới nhau, dẫn đến cuộc sống rơi vào tình trạng bế tắc, cả hai sống như người dưng, từ tháng 4/2019 anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay.

Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị chung sống, xác nhận: chị X và anh Y có kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương; chị X và anh Y sống ly thân với nhau từ tháng 4/2019 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì chính quyền không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Tiến Y có lời khai: xác nhận thời gian anh và chị X cùng chung sống như vợ chồng từ ngày 8/2016 tại địa phương nhưng đến tháng 6/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại chính quyền như chị X trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân gần đây anh thường xuyên phải đi công tác xa nên tình cảm vợ chồng không được mặn nồng và

xác nhận việc anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với chị X và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh chị và Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Lương Tiến Y đều cố tình vắng mặt cả 02 lần không có lý do, Tòa án đã tiến hành lập biên bản vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc này chứng minh anh Lương Tiến Y không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc chị X, không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y không quan tâm và không chung sống cùng với vợ con; bỏ mặc cuộc sống của vợ con; không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Từ những phân tích trên, thấy tình cảm vợ chồng thực sự không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bé Thị X là cần thiết.

[3] Về con chung: Chị Bé Thị X và anh Lương Tiến Y có 01 con chung tên là Lương Thu N – sinh ngày 05/8/2016.

Xét yêu cầu của chị Bé Thị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Thu Ngân cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị không yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng nuôi con. Chị X có công việc làm, chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo việc trực tiếp nuôi con mà không cần anh Y phải cấp dưỡng nuôi con. Từ nhỏ cháu Ngân được chị X trực tiếp nuôi dưỡng được ăn, ở, sinh hoạt, học tập đầy đủ và anh Y đồng ý theo yêu cầu của chị X. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Lương Thu N – sinh ngày 05/8/2016 cho chị Bé Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị X cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: chị Bé Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Bé Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bé Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bé Thị X được ly hôn với anh Lương Tiến Y.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Thu N – sinh ngày 05/8/2016 cho chị Bé Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Lương Tiến Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị X cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Bé Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Bé Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008174 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị X đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị X có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, QĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Văn Sơn